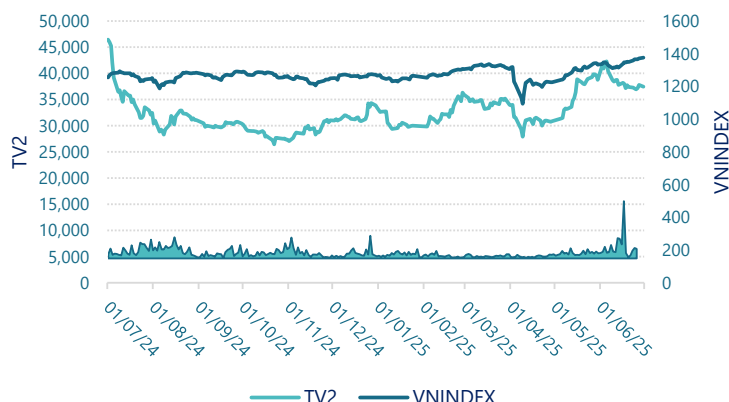


CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (HSX: TV2)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	37,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,449
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,446
SL cổ phiếu LH	67,526,165
KLGD BQ 20 phiên (CP)	634,370
% sở hữu nước ngoài	8.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,529
P/E	35.2
EPS	1,065

DT thuần

Q2/25

216

tỷ VNĐ

QoQ: ▼84.0| -28.1%

YoY: ▼146| -40.4%

LN sau thuế

Q2/25

18.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.00| 27.6%

YoY: ▲ 4.50| 32.2%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.6%

+/- YoY: ▲ 4.0%

DT thuần

6T 2025

516

tỷ VNĐ

YoY: ▼85.0| -14.2%

LN sau thuế

6T 2025

33.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.60| 30.2%

ROE

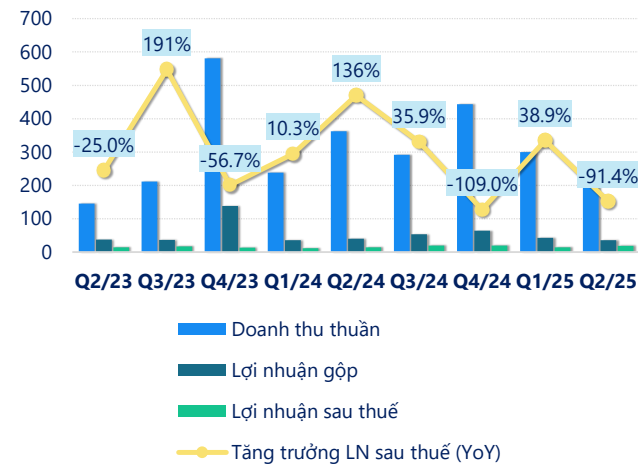
Q2/25

5.7%

+/- YoY: ▲ 1.3%

tỷ VNĐ

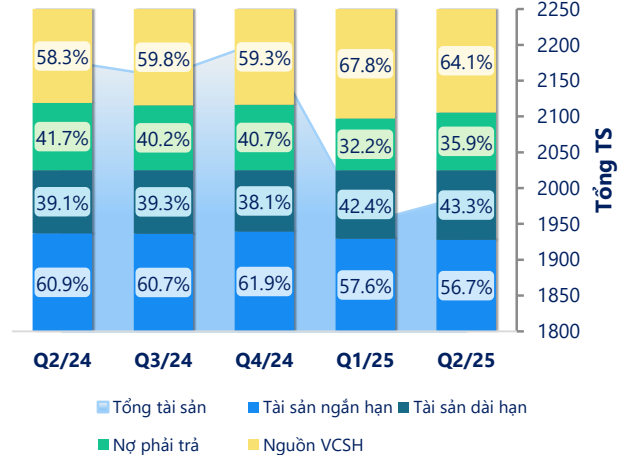
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

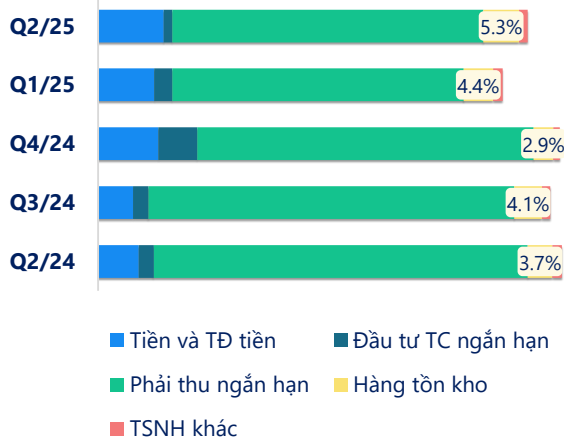
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



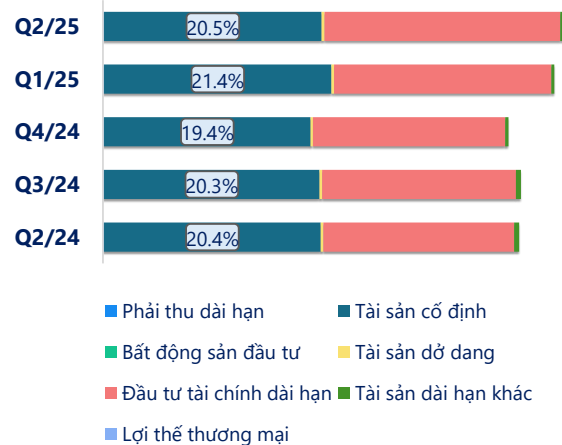
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

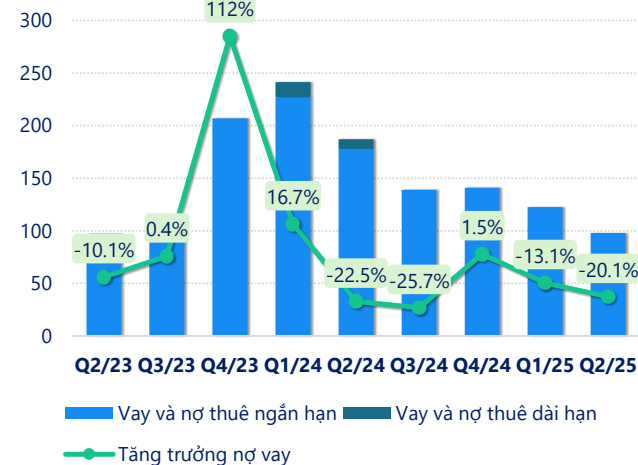
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

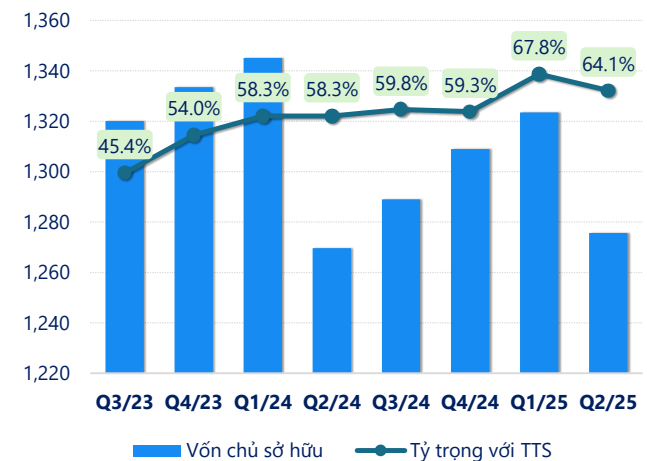
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

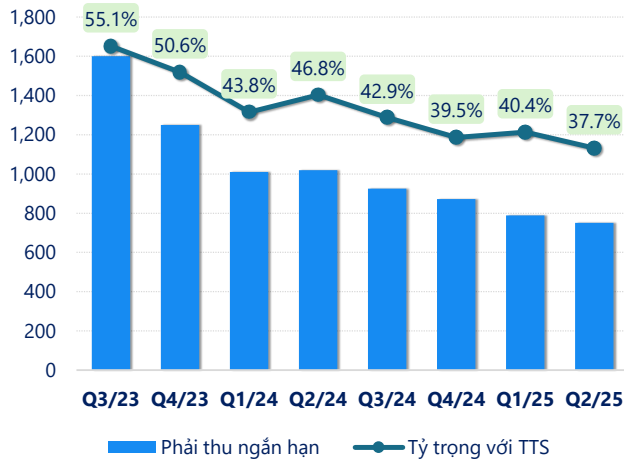
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



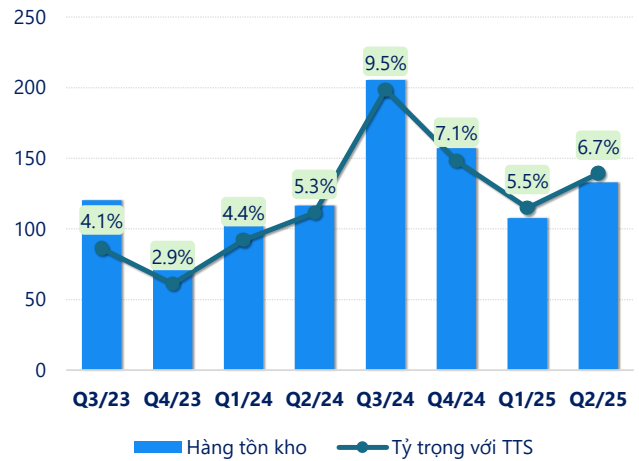
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


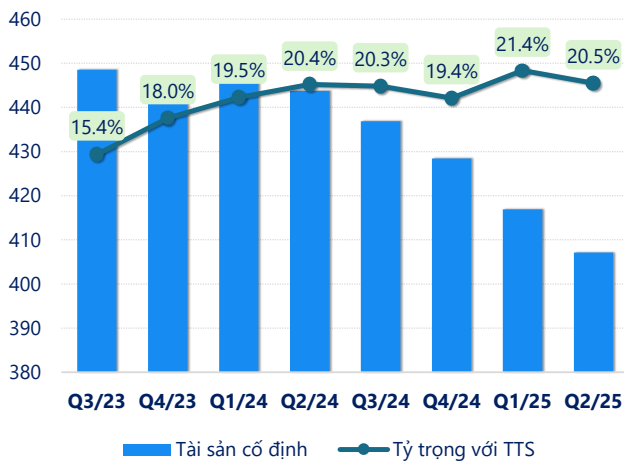
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


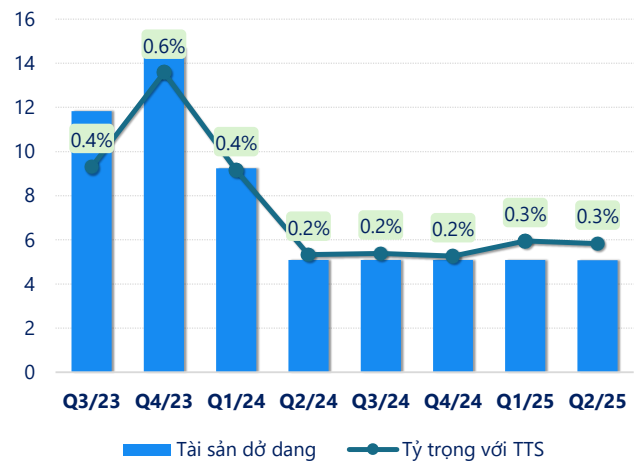
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

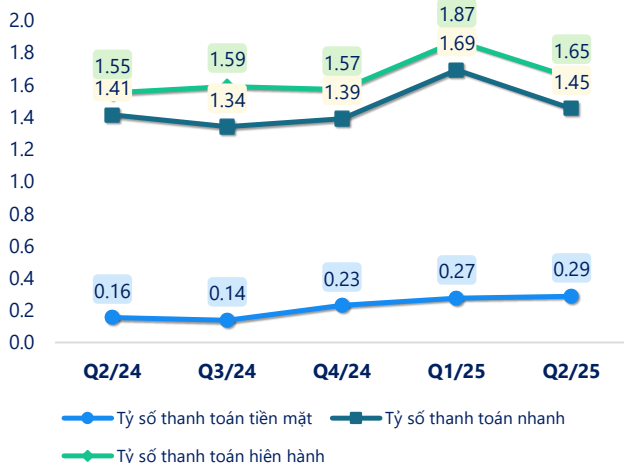
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

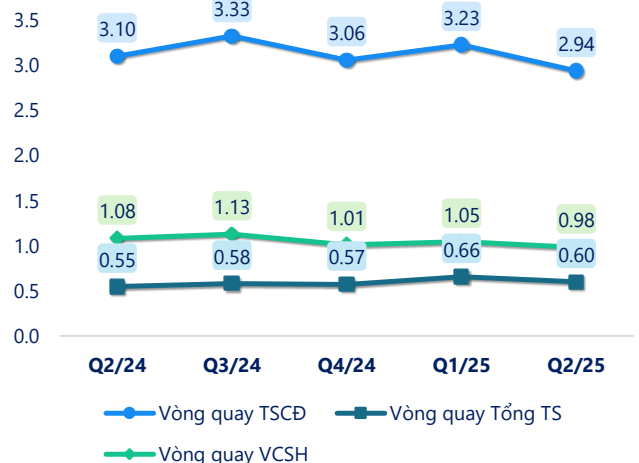
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,178	2,156	2,206	1,951	1,989
Tài sản ngắn hạn	1,326	1,309	1,365	1,123	1,128
Tiền và tương đương tiền	133	114	200	165	197
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.0	28.0	103	36.5	25.5
Phải thu ngắn hạn	1,019	925	872	789	750
Hàng tồn kho	117	205	157	108	133
Tài sản ngắn hạn khác	29.1	36.3	33.1	25.0	22.8
Tài sản dài hạn	852	847	841	828	861
Phải thu dài hạn	2.28	2.29	2.30	2.17	2.04
Tài sản cố định	444	437	428	417	407
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	5.08	5.08	5.08	5.08	5.08
Đầu tư tài chính dài hạn	391	393	399	399	441
Tài sản dài hạn khác	10.2	10.4	6.61	5.64	5.28
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	908	867	897	628	713
Nợ ngắn hạn	855	823	869	600	686
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	139	141	123	97.9
Phải trả người bán ngắn hạn	336	290	363	194	190
Nợ dài hạn	53.6	44.0	28.5	27.9	27.7
Vay và nợ thuê dài hạn	9.61	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,270	1,289	1,309	1,324	1,276
Vốn chủ sở hữu	1,270	1,289	1,309	1,323	1,276
Vốn điều lệ	675	675	675	675	675
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)